

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 1356/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 02 tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 428/TTr-SNN&MT ngày 15 tháng 4 năm 2026.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, gồm:

1. Quyết định việc sử dụng đất có mặt nước là hồ, đầm thuộc địa bàn nhiều xã, phường quy định tại khoản 2 Điều 188 Luật Đất đai.

2. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật Đất đai, trừ các trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo Quyết định phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quyết định giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác quỹ đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Đất đai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi.

4. Chấp thuận bằng văn bản về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai mà được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất mà không được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc dự án có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất mà không được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

5. Quyết định hình thức sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai đối với trường hợp sử dụng đất theo hình thức quy định tại Điều 119 và Điều 120 Luật Đất đai, trừ trường hợp được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

6. Quyết định thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai mà thuộc trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai; thu hồi đất theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai.

7. Thu hồi phần diện tích đất theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai và điểm đ khoản 1 Điều 69 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

8. Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 4 Điều 55 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

9. Quyết định cho phép thực hiện dự án đối với trường hợp nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh phạm vi dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 61 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

10. Thành lập Ban Chỉ đạo để chỉ đạo, tổ chức việc quản lý, sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp quy định tại Điều 181 Luật Đất đai và khoản 1 Điều 67 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

11. Phê duyệt phương án sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai.

12. Chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích quy định tại khoản 4 Điều 218 Luật Đất đai đối với trường hợp người có thẩm quyền cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

13. Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất, quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại Điều 229 Luật Đất đai đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật Đất đai.

## **Điều 2. Phạm vi, thời hạn và trách nhiệm thực hiện ủy quyền**

1. Việc ủy quyền quy định tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện trong phạm vi các nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai và các văn bản có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Việc ủy quyền được thực hiện kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.

5. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên là căn cứ ban hành Quyết định này quy định kéo dài thời gian thực hiện thì thời hạn áp dụng của Quyết định này được thực hiện theo văn bản đó.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan,

đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định này; kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền theo Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Duy Đông**